

Bản án số 32/2019/HNGĐ- ST
Ngày 26/4/2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa anh S với chị M.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;
2. Ông Nguyễn Xuân Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 540/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa anh S với chị M theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXX- ST ngày 13 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vũ Đình S, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt).
2. Bị đơn: Chị Trịnh Thị M, sinh năm 1993
Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Vũ Đình S trình bày: Năm 2010, được sự đồng ý của hai gia đình, anh và chị Trịnh Thị M đã tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị M về nhà anh làm dâu ngay. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do anh đi làm ăn xa, chị M ở nhà vay tiền của nhiều người không cho anh biết, chị M không quan tâm chăm sóc các con. Anh và chị M sống ly thân từ tháng 9/2018, chấm dứt mọi quan hệ, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh và chị M sinh được 02 con chung là Vũ Trịnh N, sinh ngày 03/11/2010 và Vũ Đình B, sinh ngày 18/10/2014. Ly hôn anh có nguyện vọng được cả 02 con. Anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị M có nguyện vọng được nuôi một con, anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Vũ Đình S vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo, bị đơn chị Trịnh Thị M trình bày: Được sự đồng ý của hai bên gia đình, ngày 03/4/2010 chị và anh Vũ Đình S đã tổ chức kết hôn. Trước khi kết hôn, chị và anh S có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị về nhà anh S làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 11/2010, sau khi sinh con đầu lòng thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau, có lần anh S còn đánh chị. Vì con nên chị vẫn cố chịu đựng. Ngày 27/12/2014, anh S đi lao động ở nước ngoài. Trong thời gian này thỉnh thoảng anh S vẫn gọi điện về, nhưng vợ chồng chỉ nói với nhau được vài câu là lại xảy ra cãi nhau. Ngày 02/9/2018, anh S về nước. Ngày 26/9/2018, do mâu thuẫn với mẹ chồng nên mẹ chồng và anh S đã đuổi chị ra khỏi nhà. Do không chịu đựng được nên chị đã dẫn theo 02 con nhỏ về nhà mẹ đẻ chị ở. Từ đó chị và anh S sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay anh S yêu cầu được ly hôn, chị hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là Vũ Trịnh N, sinh ngày 03/11/2010 và Vũ Đình B, sinh ngày 18/10/2014. Hiện nay cả 02 con đang ở với chị, phát triển bình thường. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Chị có đủ điều kiện để nuôi các con chị trưởng thành. Vì hiện nay chị đang làm tại Công ty điện tử ViSip ở Từ Sơn, Bắc Ninh, thu nhập trung bình 8.500.000đ/tháng. Thời gian chị đi làm, các con chị do mẹ chị chăm sóc.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trịnh Thị M vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh S được ly hôn chị M. Về con chung, giao cho chị M nuôi cả hai con con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Vũ Đình S, chị Trịnh Thị M đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Đình S kết hôn với chị Trịnh Thị M trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam số 33 ngày 31/3/2010, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh S và chị M sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh S ly hôn chị M.

[3]. Về con chung: Anh Vũ Đình S, chị Trịnh Thị M sinh được 02 con chung là Vũ Trịnh N, sinh ngày 03/11/2010 và Vũ Đình B, sinh ngày 18/10/2014. Cả 02 con đang ở với chị M, các cháu vẫn phát triển bình thường. Xét chị M có đủ điều kiện để nuôi các con, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm lý của các con nên giao cho chị M tiếp tục nuôi cả hai con là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Anh Vũ Đình S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Vũ Đình S được ly hôn với chị Trịnh Thị M.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Trịnh Thị M nuôi cả hai con là Vũ Đình B, sinh ngày 18/10/2014 và Vũ Trịnh N, sinh ngày 03/11/2010. Anh Vũ Đình S có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh S thực hiện quyền này.

3. *Về án phí:* Anh Vũ Đình S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh S đã

nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003586 ngày 03 tháng 12 năm 2018, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về kháng cáo:* Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã P;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân